

**NGHỊ QUYẾT**

**Về bổ sung Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017  
của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về kế hoạch  
đầu tư công trung hạn 05 năm (2016-2020)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU  
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 07**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm (2016-2020);

Căn cứ Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm (2016-2020);

Căn cứ Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm (2016-2020);

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 14 tháng 06 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm (2016-2020); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất bổ sung Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm (2016-2020), cụ thể như sau:

1. Công trình nông thôn mới:

Gồm:

- Xã Tân Hà: danh mục 05 công trình, với tổng mức đầu tư 11,756 tỷ đồng.
- Xã Tân Đông: danh mục 02 công trình, với tổng mức đầu tư 6,7 tỷ đồng.
- Xã Tân Hòa: danh mục 14 công trình, với tổng mức đầu tư 61,518 tỷ đồng.
- Xã Tân Hội: danh mục 06 công trình, với tổng mức đầu tư 14,792 tỷ đồng.
- Xã Tân Hiệp: danh mục 03 công trình, với tổng mức đầu tư 1,521 tỷ đồng.

2. Công trình tỉnh hỗ trợ Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện: Danh mục công trình Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Tân Châu (giai đoạn 01), với tổng mức đầu tư 16,404 tỷ đồng.

3. Công trình sử dụng ngân sách huyện: Danh mục 05 công trình, với tổng mức đầu tư 7,585 tỷ đồng.

4. Đề án khu dân cư ấp Tân Lâm, xã Tân Hà: Danh mục 06 công trình, với tổng mức đầu tư 25,974 tỷ đồng.

*Kèm theo phụ lục chi tiết.*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu căn cứ vào Nghị quyết để triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Nghị quyết này bổ sung và là một bộ phận không thể tách rời của Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm (2016-2020).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu khóa VI, kỳ họp thứ 07 thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 07 năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- ĐB. HĐND tỉnh đơn vị TC;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TT.Huyện ủy;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- ĐB.HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- TT.HĐND các xã, thị trấn;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP & CVVP;
- Lưu: VT, VP.HĐND-UBND huyện.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Tiên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU**

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của HĐND huyện)

ĐVT: triệu đồng

| TT       | Danh mục dự án                                                             | Năng lực thiết kế                                                                                    | Địa điểm XD | Thời gian KC-HT | Khái toán TMĐT | Ghi chú                     |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|----------------|-----------------------------|
| 1        | 2                                                                          | 3                                                                                                    | 4           | 5               | 6              | 7                           |
|          | <b>TỔNG SỐ</b>                                                             |                                                                                                      |             |                 | <b>146,250</b> |                             |
| <b>I</b> | <b>Công trình nông thôn mới</b>                                            |                                                                                                      |             |                 | <b>96,287</b>  |                             |
| <b>a</b> | <b>Tân Hà</b>                                                              |                                                                                                      |             |                 | <b>11,756</b>  |                             |
| 1        | Đường TAH.34 (từ nhà máy mì đến nhà ông Thắng dưới cầu Bàu Nôm), xã Tân Hà | CPSĐ 1.388m                                                                                          | Tân Hà      | 2017-2018       | 1,384          |                             |
| 2        | Đường TAH.05 (Nhà ông Hôn đi vào cuối lộ), xã Tân Hà                       | BTXM 485m                                                                                            | Tân Hà      | 2017-2018       | 823            |                             |
| 3        | Đường TAH.10 (đường ĐH 11 vào tổ 9 ấp Tân Kiên), xã Tân Hà                 | BTXM 399m                                                                                            | Tân Hà      | 2017-2018       | 698            |                             |
| 4        | Đường trục P25, xã Tân Hà                                                  | CPSĐ 2.179m                                                                                          | Tân Hà      | 2017-2018       | 3,852          |                             |
| 5        | Đường đến trung tâm xã Tân Hà                                              | Láng nhựa 2.593m, mặt 3,5m, nền 6,5m                                                                 | Tân Hà      | 2017-2018       | 4,999          |                             |
| <b>b</b> | <b>Tân Đông</b>                                                            |                                                                                                      |             |                 | <b>6,700</b>   |                             |
| 1        | Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân                                           | Xây mới 8 phòng (02 phòng học, 06 phòng chức năng), son P, sửa chữa nền của 28 phòng học hiện hữu    |             | 2019-2020       | 6,500          | Tinh HT đầu tư + huyện CBĐT |
| 2        | Sửa chữa nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Kà Ôt                               | Thay tole, sơn bê, sửa la phòng                                                                      |             | 2019-2020       | 200            | Tỷ lệ vốn 70:20:10          |
| <b>c</b> | <b>Tân Hòa</b>                                                             |                                                                                                      |             |                 | <b>61,518</b>  |                             |
| 1        | Trường TH Tân Hòa A (điểm chính)                                           | XD mới 07 phòng chức năng, cải tạo 08 phòng học lầu, sân nền, nhà xe, cổng, hàng rào, SLMB, thiết bị | Tân Hòa     | 2019-2020       | 6,468          | Vốn tinh hỗ trợ, huyện CBĐT |
| 2        | Trường Mầm non Tân Hòa                                                     | XD mới 09 phòng chức năng, thiết bị                                                                  | Tân Hòa     | 2019-2020       | 9,981          | Vốn tinh hỗ trợ, huyện CBĐT |
| 3        | Trường TH Tân Hòa A (điểm phụ ấp Cây Khế)                                  | XD mới 06 phòng học lầu, thiết bị                                                                    | Tân Hòa     | 2019-2020       | 4,311          | Vốn tinh hỗ trợ, huyện CBĐT |
| 4        | Trường THCS Bung Bàng                                                      | XD mới 07 phòng học, các phòng chức năng, thiết bị                                                   | Tân Hòa     | 2019-2020       | 8,258          | Vốn tinh hỗ trợ, huyện CBĐT |
| 5        | Đường đến trung tâm xã Tân Hòa (ĐH.20)                                     | Láng nhựa dài 3,5 km, mặt rộng 6m, nền rộng 7,5m                                                     | Tân Hòa     | 2019-2020       | 6,868          | Tỷ lệ vốn 90:10             |
| 6        | Đường Tân Hòa 2 - Đoạn 5 (ấp Suối Bà Chiêm)                                | Láng nhựa dài 2,5 km, mặt rộng 3,5m, nền rộng 6,5m                                                   | Tân Hòa     | 2019-2020       | 7,277          | Tỷ lệ vốn 60:30:10          |
| 7        | Đường lộ dân cư ấp con Trăn (5 tuyến)                                      | BTXM dài 2,199 km, mặt rộng 3,5m, lề rộng 1,5m                                                       | Tân Hòa     | 2019-2020       | 1,924          | Tỷ lệ vốn 60:30:10          |
| 8        | Đường sỏi đỏ (tuyến 2 + 3 + 4), ấp Suối Bà Chiêm                           | Sỏi đỏ dài 0,6 km, mặt rộng 5m                                                                       | Tân Hòa     | 2019-2020       | 622            | Tỷ lệ vốn 40:50:10          |
| 9        | Đường nội đồng 522 (tuyến 1)                                               | Sỏi đỏ dài 5,5 km, mặt rộng 5m                                                                       | Tân Hòa     | 2019-2020       | 5,706          | Tỷ lệ vốn 60:30:10          |
| 10       | Đường nội đồng 522 (tuyến 2)                                               | Sỏi đỏ dài 3,0 km, mặt rộng 5m                                                                       | Tân Hòa     | 2019-2020       | 3,112          | Tỷ lệ vốn 60:30:10          |

| TT         | Danh mục dự án                                                        | Năng lực thiết kế                                                                                | Địa điểm XD | Thời gian KC-HT | Khái toán TMBT | Ghi chú                                  |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|----------------|------------------------------------------|
| 1          | 2                                                                     | 3                                                                                                | 4           | 5               | 6              | 7                                        |
| 11         | Trung tâm văn hoá thể thao xã                                         | Xây mới hội trường, 05 phòng chức năng, nhà xe, sân thể thao, hàng rào. Trang thiết bị           | Tân Hòa     | 2019-2020       | 5,741          | Vốn tinh hỗ trợ, huyện CBĐT              |
| 12         | Nhà văn hoá ấp Cây Khế                                                | XD mới diện tích nhà văn hoá 106,7m <sup>2</sup>                                                 | Tân Hòa     | 2019-2020       | 550            | Tỷ lệ vốn 70:20:10                       |
| 13         | Nâng cấp Nhà văn hoá ấp Tân Thuận                                     | Bổ sung trang thiết bị + NVS + trụ cờ + Sân nền                                                  | Tân Hòa     | 2019-2020       | 350            | Tỷ lệ vốn 70:20:10                       |
| 14         | Nâng cấp Nhà văn hoá ấp Trảng Trại                                    | Bổ sung trang thiết bị + NVS + trụ cờ + Sân nền                                                  | Tân Hòa     | 2019-2020       | 350            | Tỷ lệ vốn 70:20:10                       |
| <b>d</b>   | <b>Tân Hội</b>                                                        |                                                                                                  |             |                 | <b>14,792</b>  |                                          |
| 1          | Trường tiểu học Tân Hội A                                             | Xây mới 10 phòng học lầu và mua sắm trang thiết bị.                                              | Tân Hội     | 2019-2020       | 6,210          | Vốn tinh hỗ trợ, huyện CBĐT              |
| 2          | Nhà văn hóa xã Tân Hội                                                | Xây mới hội trường, 05 phòng chức năng, nhà xe, sân thể thao, hàng rào, trang thiết bị           | Tân Hội     | 2019-2020       | 5,820          | Vốn tinh hỗ trợ, huyện CBĐT              |
| 3          | Đường THo.43 ấp Hội An (đường tổ 3)                                   | BTXM dài 500m, mặt đường 3,5m                                                                    | Tân Hội     | 2019-2020       | 1,212          | Tỷ lệ vốn 60:30:10                       |
| 4          | Nhà văn hóa ấp Hội Thành                                              | Hội trường 100 chỗ ngồi, trang thiết bị                                                          | Tân Hội     | 2019-2020       | 500            | Tỷ lệ vốn 70:20:10                       |
| 5          | Đường số 9-9                                                          | Sỏi đỏ dài 800m, mặt đường 6m                                                                    | Tân Hội     | 2019-2020       | 750            | Tỷ lệ vốn 60:30:10                       |
| 6          | Đường vào nghĩa trang ấp Hội Thanh                                    | đường sỏi đỏ dài 300m, chiều rộng mặt đường 5m                                                   | Tân Hội     | 2019-2020       | 300            | Tỷ lệ vốn 60:30:10                       |
| <b>e</b>   | <b>Tân Hiệp</b>                                                       |                                                                                                  |             |                 | <b>1,521</b>   |                                          |
| 1          | Sửa chữa, nâng cấp đường THi.39                                       | đường sỏi đỏ dài 1.000m, chiều rộng mặt đường 5m                                                 | Tân Hiệp    | 2019-2020       | 521            | Tỷ lệ vốn 60:30:10                       |
| 2          | Sửa chữa, nâng cấp văn phòng ấp Hội Thắng                             | 100 chỗ ngồi                                                                                     | Tân Hiệp    | 2019-2020       | 500            | Tỷ lệ vốn 70:20:10                       |
| 3          | Sửa chữa, nâng cấp văn phòng ấp Tân Bình                              | 100 chỗ ngồi                                                                                     | Tân Hiệp    | 2019-2020       | 500            | Tỷ lệ vốn 70:20:10                       |
| <b>II</b>  | <b>Công trình tỉnh HT XD trung tâm văn hóa - thể thao huyện</b>       |                                                                                                  |             |                 | <b>16,404</b>  |                                          |
| 1          | XD Trung tâm văn hóa huyện Tân Châu (GĐ 01)                           | Cây xanh, giao thông, mương thoát nước                                                           | Thị trấn TC | 2019-2020       | 16,404         | Tỉnh HT 5 tỷ đồng, còn lại huyện đối ứng |
| <b>III</b> | <b>Công trình sử dụng Ngân sách huyện</b>                             |                                                                                                  |             |                 | <b>7,585</b>   |                                          |
| 1          | Cải tạo, sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện                 | Cải tạo khối nhà công vụ, khối NLV, xây mới hàng rào phía tây, nhà xe, sân nền và trang thiết bị | Thị trấn TC | 2019-2020       | 1,235          |                                          |
| 2          | Chốt dân quân Suối Tre                                                | xây dựng mới 116m <sup>2</sup> , điện năng lượng, sân nền, giếng khoan                           | Suối Ngò    | 2019-2020       | 1,350          |                                          |
| 3          | Chốt dân quân cầu Sài Gòn 2                                           | xây dựng mới 116m <sup>2</sup> , điện năng lượng, sân nền, giếng khoan                           | Tân Hòa     | 2019-2020       | 1,350          |                                          |
| 4          | Hệ thống thoát nước và đường nội bộ khu trung tâm thương mại Tân Châu | Làm mới 66m cống thoát nước và 70m đường nội bộ                                                  | Thị trấn TC | 2019-2020       | 650            |                                          |
| 5          | Hàng rào trụ sở mới UBND xã Tân Hội                                   | Công, hàng rào mặt trước lam BTCT dài 88m, hàng rào mặt hông, mặt sau xây gạch dài 250m          | Tân Hội     | 2019-2020       | 3,000          |                                          |

| TT | Danh mục dự án                                                        | Năng lực thiết kế                                             | Địa điểm XD | Thời gian KC-HT | Khái toán TMĐT | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|----------------|---------|
| 1  | 2                                                                     | 3                                                             | 4           | 5               | 6              | 7       |
| IV | Đề án khu dân cư ấp Tân Lâm, xã Tân Hà                                |                                                               |             |                 | 25,974         |         |
| 1  | Đường nội bộ trong khu đất sản xuất - KDC số 01 ấp Tân Lâm, xã Tân Hà | Đường Sỏi đỏ gồm 6 tuyến tổng chiều dài 3.894,7m.             | Tân Hà      | 2019-2020       | 4,519          |         |
| 2  | Đường nội bộ trong khu đất sản xuất - KDC số 02 ấp Tân Lâm, xã Tân Hà | Đường Sỏi đỏ gồm 8 tuyến tổng chiều dài 4.798,03m.            | Tân Hà      | 2019-2020       | 5,575          |         |
| 3  | Đường nội bộ trong khu đất sản xuất - KDC số 03 ấp Tân Lâm, xã Tân Hà | Đường Sỏi đỏ gồm 6 tuyến tổng chiều dài 5.233,42m.            | Tân Hà      | 2019-2020       | 5,370          |         |
| 4  | Đường khu dân cư số 01 ấp Tân Lâm, xã Tân Hà                          | Đường BTXM gồm 7 tuyến tổng chiều dài 2.812m.                 | Tân Hà      | 2019-2020       | 7,662          |         |
| 5  | Đường khu dân cư số 03 ấp Tân Lâm, xã Tân Hà                          | Đường BTXM gồm 3 tuyến tổng chiều dài 768,03m.                | Tân Hà      | 2019-2020       | 1,861          |         |
| 6  | Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng TDTT ấp Tân Lâm                       | Xây mới nhà văn hóa + thiết bị; diện tích 133m <sup>2</sup> . | Tân Hà      | 2019-2020       | 987            |         |

